Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 28.10.2019 09:30:13 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 388 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 28 tháng 10 năm 2019*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ về cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 27/NQ-CP

Nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Hội nghị lần thứ tư BCH Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 – 2020, UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 737/UBND-TH ngày 27/3/2017 giao nhiệm vụ cụ thể đến các ngành chức năng và đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện các nội dung đã được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 27/NQ-CP.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TẠI NQ SỐ 27/NQ-CP

1. Đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước

a) Thực hiện kế hoạch và lộ trình thoái vốn hàng năm đảm bảo hoàn thành thoái vốn trước năm 2019

Thực hiện lộ trình thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg, ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020, UBND tỉnh đã hoàn thành kế hoạch thoái vốn nhà nước giai đoạn 2017-2020 tại các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý[1]. Phê duyệt Phương án cơ cấu lại Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tây Ninh và Công ty TNHH một thành viên Khai thác Thủy lợi Tây Ninh giai đoạn 2016-2020. Các Công ty đã thực hiện đầy đủ theo nội dung trong phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, kết quả

[1] Công ty CP Mía đường Tây Ninh 17% vốn điều lệ, Công ty CP Du lịch – Thương mại Tây Ninh 80,83% vốn điều lệ, Công ty CP Đăng kiểm Tây Ninh (năm 2017: 17,11%; năm 2019: 49% vốn điều lệ), Công ty CP Cấp thoát nước Tây Ninh (năm 2018: 17%; năm 2019: 35% vốn điều lệ); giữ nguyên 40% vốn nhà nước đến năm 2020 của Công ty Cổ phần Công trình đô thị Tây Ninh.

tài chính hàng năm đạt hiệu quả cao, nộp ngân sách nhà nước năm sau cao hơn năm trước.

b) Việc chuyển giao các doanh nghiệp thuộc diện chuyển giao về SCIC trước tháng 12/2017

Giai đoạn 2011-2015 thực hiện cổ phần hóa 05 doanh nghiệp và hoàn thành công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước[2] trên địa bàn (trong đó: chuyển giao về SCIC 01 doanh nghiệp là Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh).

Việc chuyển giao các doanh nghiệp được thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra, công khai, minh bạch theo Nghị định và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính. Các doanh nghiệp hàng năm đều có thanh tra, kiểm tra giám sát theo quy định, kết quả kinh doanh hàng năm đều hiệu quả và bảo toàn vốn. Các doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa đều thực hiện đầy đủ việc đăng ký niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, riêng Công ty Cổ phần Đăng kiểm do số lượng cổ đông chỉ có 61 cổ đông nên Công ty chưa đủ điều kiện niêm yết trên thị trường chứng khoán (theo quy định tối thiểu phải đủ 100 cổ đông mới đủ điều kiện).

Qua thực hiện cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước, hiện tại đã thu hút được các nhà đầu tư có năng lực tham gia mua cổ phần tại các doanh nghiệp theo đúng quy định, góp phần quản trị doanh nghiệp tốt nhất.

2. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Giai đoạn 2016-2019, tỉnh đã triển khai thực hiện quyết liệt cơ cấu lại nông nghiệp theo đúng chủ trương, định hướng của Trung ương. Kết quả đến nay, sản xuất nông nghiệp đang được chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, giá trị và hiệu quả cao, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá. Cụ thể:

Về trồng trọt, cơ cấu cây trồng chuyển biến rõ nét theo hướng tập trung, đáp ứng hội nhập kinh tế thế giới, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh gắn với thị trường và công nghiệp chế biến. Diện tích lúa được giữ ổn định khoảng 145.000 ha. Chuyển đổi giảm trên 10.000 ha lúa, cao su, mía, … sang trồng cây ăn quả, khoai mì, nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao; sản xuất nông nghiệp công nghệ cao bước đầu đã đem lại hiệu quả. Thu nhập trên 01 ha đất trồng trọt năm 2019 ước đạt 94,5 triệu đồng/ha/năm tăng 1,9 triệu đồng/ha/năm so với năm 2016.

Ngành chăn nuôi phát triển khá mạnh theo mô hình trang trại lạnh, quy mô lớn, chăn nuôi khép kín có bước tăng trưởng vượt bật. Năm 2019, tỷ lệ chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại tập trung công nghiệp, bán công nghiệp chiếm trên 70% so với tổng đàn, tăng 11% so với năm 2016. Cơ cấu lại đàn vật nuôi được xác định ưu

[2] 05 doanh nghiệp: Công ty CP Đăng kiểm Tây Ninh, Công ty CP Cơ khí Tây Ninh, Công ty CP Mía đường Tây Ninh, Công ty CP Cấp thoát nước Tây Ninh và Công ty CP Cao su 1-5 Tây Ninh.

tiên ở các loại sản phẩm chính như: chăn nuôi gà, heo thịt, bò thịt, bò sữa. Điểm nổi bật trong chăn nuôi là phát triển trang trại quy mô lớn và tăng mạnh đàn bò sữa, nâng cao chất lượng bò thịt. Công tác cải tạo giống đã làm gia tăng năng suất, chất lượng, sản lượng thịt heo, bò, gia cầm, góp phần tăng hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh sản phẩm. Ước đến cuối năm 2019, tỷ trọng chăn nuôi trong GTSX nông nghiệp chiếm 15,4%.

Lâm nghiệp: Diện tích rừng trên địa bàn tỉnh được bảo vệ, phát triển ổn định cả về số lượng và chất lượng. Giai đoạn 2016-2019, toàn bộ diện tích rừng trên địa bàn tỉnh được giao khoán bảo vệ với 225.600 lượt ha (bình quân 56.410 ha/năm). Trồng rừng mới ước đạt 740 ha, bình quân 185 ha/năm, trồng cây phân tán bình quân 01 triệu cây/ năm. Phòng cháy, chữa cháy và chống phá rừng các năm qua luôn được quan tâm chỉ đạo tích cực, kéo giảm trung bình 19 vụ/năm; công tác giải quyết tình trạng lấn chiếm và sử dụng đất lâm nghiệp sai mục đích được thực hiện quyết liệt chuyển đất sang trồng rừng mới; độ che phủ của rừng tăng từ 16,1% năm 2016 lên 16,3% năm 2019.

Thủy lợi và nước sạch nông thôn: Hạ tầng thủy lợi từng bước được đầu tư hoàn thiện phục vụ chuyển đổi cây trồng cạn, có giá trị kinh tế cao theo định hướng cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh Tây Ninh, theo đó, đẩy nhanh tiến độ thi công dự án tưới, tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông với nhiệm vụ tưới, tiêu cho 16.953 ha cây trồng; thực hiện kiên cố hóa kênh mương đạt 66,5% (1.131km/1.702 km); đồng thời đẩy mạnh ứng dụng, phát triển mô hình canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn với diện tích bình quân 32.592 ha/năm góp phần nâng diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu đến cuối năm 2019 đạt 150.000 ha, tăng 5,8% so với năm 2016 (diện tích năm 2016 là 141.680 ha).

Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,8%, trong đó: tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước sạch theo QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế đạt 61,3%, tại các xã nông thôn mới đạt 65%.

Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Phấn đấu cuối năm 2019, toàn tỉnh có 42/80 xã (đạt 52,5%) đạt chuẩn nông thôn mới.

Các chính sách thu hút nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp: Giai đoạn 2016-2019, tỉnh đã thu hút 24 dự án đầu tư vào nông nghiệp trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản với tổng vốn đăng ký trên 1.652 tỷ đồng.

Đã cụ thể hóa 02 chính sách của Trung ương và ban hành 05 chính sách của tỉnh đối với nông nghiệp như: chính sách khuyến nông; chính sách hỗ trợ thủy lợi phí; chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ; chính sách hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý nước hộ gia đình nông thôn; chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn nông thôn và chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng

dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp và người sản xuất đăng ký mã số vùng trồng đối với nông sản xuất khẩu sang Trung Quốc thời gian qua; hỗ trợ phần mềm truy xuất nguồn gốc... đã tạo động lực thúc đẩy và hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp.

3. Cơ cấu lại một cách thực chất các ngành công nghiệp

Hoạt động công nghiệp ngày càng tăng trưởng, ổn định và vượt kế hoạch đề ra, năm sau luôn cao hơn năm trước và cao hơn bình quân chung của cả nước; công nghiệp đang hướng tới phát triển bền vững, chất lượng; trong cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến cũng là ngành đang có lợi thế (hạ tầng sản xuất, nguồn nguyên liệu nông sản, lao động,..). Nhiều dự án có quy mô lớn đã và đang được đầu tư; quá trình thu hút đầu tư đã có sự lựa chọn các dự án công nghệ cao thân thiện với môi trường; công nghiệp phát triển đã tạo nhiều việc làm cho lao động địa phương, góp phần an sinh xã hội, tăng thu ngân sách và góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Ngành công nghiệp tỉnh hiện có 790 doanh nghiệp đang hoạt động, tạo việc làm cho khoảng 152.970 ngàn lao động; các dự án phát triển nhiều ở các lĩnh vực chế biến thực phẩm và đồ uống, dệt may, da giầy, cao su & plastic, khoáng phi kim loại (có 549 dự án, tăng 119 dự án so với năm 2015). Hàng năm, các doanh nghiệp và hộ cá thể (8.247 hộ với 16.015 lao động) đã đóng góp GTSX chiếm tỷ trọng >53% so tổng GTSX của toàn ngành kinh tế tỉnh.

Tổng vốn đầu tư cố định của các doanh nghiệp đang hoạt động là 71.232.374 triệu đồng, trong đó công nghiệp dệt có quy mô vốn lớn nhất chiếm 31,76% so tổng vốn toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; chế biến thực phẩm chiếm 23,74%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic chiếm 15,1%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan chiếm 11,8%.

Cơ cấu GTSX (giá so sánh 2010) một số ngành CN chủ yếu cụ thể (ĐVT: %):

Công nghiệp	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Doanh nghiệp	Lao động (Người)	Thu nhập b/q tháng lao động (nghìn đồng)
(1) SX lương thực, thực phẩm & đồ uống Trong đó: GTSX ngành đường/ LTTP & ĐU	27,75 21,36	23,55 20,53	21,25 19,59	165	8.236	LTTP: 7.235; Đồ uống: 2.246
(2) Dệt may	22,34	24,95	27,26	106	52.776	Dệt: 8.303 May: 7.552
(3) Da và các sản phẩm có liên quan	18,02	17,51	17,69	48	61.541	6.770
(4) SX sản phẩm từ cao su, plastic	12,71	16,32	17,25	57	11.474	5.772

Công nghiệp	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Doanh nghiệp	Lao động (Người)	Thu nhập b/q tháng lao động (nghìn đồng)
(5) Cơ khí	6,25	4,01	4,37	104	3.895	6.721
(6) Khoáng phi kim loại Trong đó: GTSX xi măng/SX chất khoáng phi KL	3,66 74,27	3,32 69,62	2,80 72,71	173	6.195	8.284
TC: 6/13 ngành CN	90,73%	89,66%	90,62%	653	144.117	

Các thành phần kinh tế phát triển khá ổn định, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đang tiếp tục đóng góp lớn về GTSX cho tăng trưởng toàn ngành công nghiệp tỉnh (năm 2015, GTSX công nghiệp chiếm tỷ trọng 54,5%, đến năm 2019 chiếm 69%).

Đầu tư phát triển các KCN, CCN có nhiều chuyển biến, tỷ lệ lấp đầy chiếm trên 50% so quy hoạch, tính đến tháng 8/2019, các khu, cụm công nghiệp đã thu hút được 303 dự án sản xuất (FDI: 244 dự án; trong nước 59 dự án), tăng 51 dự án so với đầu nhiệm kỳ (đa phần là các dự án có quy mô lớn). GTSX của khu vực FDI trong các khu, cụm công nghiệp tăng dần hàng năm, chiếm tỷ trọng 58,9% năm 2017 đến năm 2018 chiếm 62,4%, ước năm 2019 chiếm 63% so toàn ngành công nghiệp.

Một số ngành, lĩnh vực có bước phát triển mạnh (chế biến thực phẩm, dệt may, da giầy, sản phẩm cao su & plastic), nhiều sản phẩm công nghiệp của tỉnh tiếp tục khẳng định được vị thế trên thị trường, đã có sản phẩm tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu của một số doanh nghiệp FDI (Công ty TNHH Brotex, Công ty TNHH Sailun, Công ty TNHH LuThai,..); các doanh nghiệp chế biến nguyên liệu từ nông sản đã trở thành nhà cung cấp nguyên liệu cho các doanh nghiệp chế biến tinh (tinh bột mì, đường, ..) trong và ngoài nước.

Năng suất lao động các ngành công nghiệp chủ yếu (doanh thu thuần/lao động):

Từ năm 2010 đến nay, năng suất lao động trong các ngành sản xuất đã tăng dần qua các năm do các doanh nghiệp đã chú trọng đến việc đầu tư, đổi mới máy móc thiết bị hiện đại, đồng thời quá trình thu hút các đầu tư vào tỉnh cũng được các cấp ngành xem xét tổng thể về chất lượng của dự án. Hiện công nghiệp may trang phục, sản xuất da và các sản phẩm có liên quan có năng suất lao động thấp nhất, do phương thức sản xuất chủ yếu là gia công theo đơn hàng và sử dụng nhiều lao động. Năng suất lao động các ngành công nghiệp chủ yếu:

STT	Công nghiệp	Đơn vị	2010	2016	2018
1	Chế biến thực phẩm	Tr. đồng	1,063	2,404	2,835
2	Dệt	Tr. đồng	407	900.61	1,087
3	May trang phục	Tr. đồng	94.66	157.31	164
4	Sản xuất da và các sản phẩm từ da	Tr. đồng	73.16	273.50	315
5	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	Tr. đồng	531.38	930.57	1,311
6	Khoáng phi kim loại	Tr. đồng	798.64	1,399	1,576
7	Cơ khí	Tr. đồng	395.86	917.57	920

4. Thực hiện cơ cấu lại và phát triển nhanh các ngành dịch vụ

Giá trị sản xuất ngành dịch vụ (giá so sánh 2010) tăng bình quân 6,3%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ đạt 279.334 tỷ đồng, tăng bình quân 10,1%/năm.

Định hướng ngành thương mại, dịch vụ trong thời gian qua là tiếp tục giữ vững kênh phân phối truyền thống, phát triển các loại hình thương mại hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, phục vụ sinh hoạt của dân cư.

Mạng lưới thương nghiệp, dịch vụ được tỉnh quan tâm đầu tư, phát triển với nhiều thành phần kinh tế tham gia, bảo đảm cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Hệ thống các Trung tâm thương mại, siêu thị được hình thành và phát triển góp phần đáng kể tăng doanh thu bán lẻ các nhóm hàng lương thực thực phẩm, hàng may mặc và đồ dùng, thiết bị gia đình. Giai đoạn 2016-2019, đã đưa vào hoạt động nhiều dự án thương mại - dịch vụ[3]. Nâng cấp, cải tạo được 45 chợ với tổng nguồn vốn đầu tư 400 tỷ đồng.

Thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác xúc tiến thương mại, đưa hàng Việt về nông thôn, bình ổn giá một số mặt hàng thiết yếu gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia nhiều hoạt động hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài, giúp các doanh nghiệp trong tỉnh gặp gỡ, giao lưu, qua đó giới thiệu, quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Mạng lưới giao thông vận tải đường bộ phát triển, năng lực vận tải đã đáp ứng cơ bản nhu cầu vận tải của xã hội. Các loại hình vận tải hành khách phục vụ hiệu quả

[3] Trung tâm Thương mại Gò Dầu, Khu du lịch sinh thái Bàu Cà Na (giai đoạn 2), Trung tâm Thương mại Dịch vụ Toyota Lý Thường Kiệt, Trung tâm Thương mại Dịch vụ TTC Plaza Tây Ninh, Trung tâm thương mại, khách sạn tiêu chuẩn 5 sao và nhà phố Shophouse, Khu C-D chợ Long Hoa, Siêu thị Co.opmart: Tân Châu, Gò Dầu, Châu Thành; hệ thống cửa hàng Bách hóa xanh.

nhu cầu đi lại của người dân địa phương, không xảy ra tình trạng ùn tắc khách kể cả những ngày cao điểm lễ, tết.

Thực hiện Quyết định số 1533/QĐ-NHNN ngày 20/7/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 – 2020, các Quỹ tín dụng nhân dân đã triển khai thực hiện Phương án tái cơ cấu gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 theo đúng tiến độ và nội dung. Kết quả, trên địa bàn có 18 QTNND không thay đổi so với năm 2016 và 18/18 Quỹ đều được NHNN Việt Nam xếp hạng A, hoạt động an toàn hiệu quả do đó không phát sinh trường hợp QTDND sáp nhập, hợp nhất, giải thể, rút giấy phép, chuyển đổi hình thức tổ chức.

Thực hiện cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng mục tiêu phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tỉnh đã ban hành danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, đồng thời đưa ra các chính sách ưu đãi cho từng dự án. Các dịch vụ và sản phẩm du lịch đang được cải thiện về số lượng và chất lượng, lượng khách đến tham quan ngày càng nhiều. Doanh thu du lịch 2016 – 2019 đạt 3.583 tỷ đồng, tăng bình quân 14,4%/năm. Lượng khách tham quan tại các khu, điểm du lịch tăng bình quân 5,3%/năm. Trên địa bàn tỉnh có 608 cơ sở lưu trú/6.773 phòng; 15 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, trong đó có 01 doanh nghiệp có chức năng kinh doanh lữ hành quốc tế.

5. Phát triển khu vực kinh tế tư nhân

Nhằm kịp thời động viên, nắm bắt và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, hàng năm, tỉnh tổ chức lồng ghép buổi họp mặt và đối thoại với các cộng đồng doanh nghiệp, phóng viên, báo đài trên địa bàn tỉnh. Đây là dịp để Lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh, Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh và các huyện, thành phố, lãnh đạo các cơ quan, đoàn thể trong tỉnh gặp gỡ, chúc mừng doanh nghiệp, doanh nhân nhân ngày Doanh nhân Việt Nam và ghi nhận đóng góp của doanh nghiệp, doanh nhân trong một năm đồng hành, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Tây Ninh.

Riêng trong năm 2019, tỉnh tổ chức riêng Buổi họp mặt và đối thoại với các cộng đồng doanh nghiệp, phóng viên, báo đài trên địa bàn tỉnh nhằm tăng cường sự gắn bó giữa doanh nghiệp với chính quyền, giúp cho các doanh nghiệp nắm bắt và triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Trung ương và tỉnh, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Thành lập và công khai đường dây nóng, hỏi đáp trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tiếp nhận, phản ánh và hướng dẫn, giải đáp cho doanh nghiệp trên tất cả các lĩnh vực *(năm 2017: tiếp nhận 778 lượt, năm 2018: 936 lượt, năm 2019: 500 lượt câu hỏi).*

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 công bố toàn bộ danh mục 1315 TTHC ở cấp tỉnh thực hiện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. Tỉnh đã thành lập và đưa Trung tâm Hành chính công tỉnh đã đi vào hoạt động ổn định. Sau hơn 01 năm hoạt động, Trung tâm Hành chính công đã đạt được các kết quả chủ yếu như sau: (1) Đã đưa toàn bộ những TTHC của các sở, ngành tỉnh (trừ các TTHC đặc thù) và nhóm thủ tục cấp căn cước công dân của Công an tỉnh vào tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm; (2) Kéo giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn còn 1,47%; (3) Bổ sung cách thức mới giải quyết một số TTHC qua mạng xã hội Zalo (người dân không phải đi nộp hồ sơ trực tiếp).

Hệ thống một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công của tỉnh đã được đưa vào sử dụng tại 100% sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã đã thực hiện tiếp nhận và quản lý tất cả các hồ sơ theo TTHC thuộc tất cả các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được trang bị tại UBND tỉnh và 100% UBND huyện, thành phố đáp ứng nhu cầu tổ chức họp trực tuyến của UBND tỉnh và các sở, ngành và UBND cấp huyện. Phần mềm họp không giấy đã được triển khai tại UBND tỉnh, UBND cấp huyện và các sở, ngành của tỉnh, đã tiết kiệm thời gian, ngân sách. Đưa vào vận hành thí điểm trung tâm Giám sát điều hành (giai đoạn 1) tích hợp các nguồn cơ sở dữ liệu Y tế, Giáo dục, Quan trắc Môi trường, ATTT và hệ thống camera giám sát bộ phận 1 cửa của cấp xã. Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Cổng thông tin điện tử tỉnh đã cung cấp 100% thủ tục hành chính đạt mức độ 2 (1.884 thủ tục); trong đó, có 1216 TTHC đạt mức độ 3 và 108 TTHC đạt mức độ 4 được triển khai, ứng dụng trên địa bàn tỉnh.

Tập trung tuyên truyền phổ biến Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; phổ biến các chính sách pháp luật về phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, thực hiện đăng tải thông tin, chính sách ưu đãi đầu tư, thủ tục hành chính, chính sách pháp luật và hỗ trợ doanh nghiệp. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) và Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV, tổ chức Chương trình Bồi dưỡng kiến thức Hội nhập Kinh tế Quốc tế năm 2019 tại tỉnh Tây Ninh (02 lớp) và 01 Khóa đào tạo Quản trị Doanh nghiệp chuyên sâu năm 2019.

Theo dõi nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai dự án của doanh nghiệp; kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả; Thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm "đồng hành cùng doanh nghiệp", đảm bảo sự bình đẳng và quyền lợi cho doanh nghiệp, không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự.

Trên cơ sở Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 22/02/2019 thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Kế hoạch đã đặt ra mục tiêu phấn đấu chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và chỉ số cải cách hành chính của tỉnh vào nhóm tốt.

Tổ chức thực hiện nghiêm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thực sự trở thành công cụ quản lý nhà nước về đất đai. Việc xem xét nhu cầu sử dụng đất cho các đối tượng phải dựa trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 59 Luật Quy hoạch, tỉnh đã tiến hành rà soát và bãi bỏ 13 dự án quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ thuộc đối tượng bãi bỏ.

Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp. Trong thời gian qua, đã chấn chỉnh việc trùng lắp trong hoạt động thanh, kiểm tra không để phát sinh trường hợp 1 năm doanh nghiệp tiếp nhiều hơn 01 đoàn thanh kiểm tra.

6. Thực hiện liên kết, phối hợp giữa các địa phương trong phát triển kinh tế vùng; thực hiện hiệu quả quá trình đô thị hóa

Các địa phương trong vùng KTTĐ phía Nam đã có các hoạt động hợp tác kinh tế trong lĩnh vực: công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, du lịch, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học công nghệ, nông nghiệp, công nghiệp, thương mại - du lịch, xúc tiến thương mại đầu tư, thông tin truyền thông… góp phần phát triển ngành dịch vụ du lịch và tiêu thụ sản phẩm trong Vùng.

Triển khai thực hiện Nghị quyết 5026/NQ-HĐV ngày 13/9/2016 của Chủ tịch Hội đồng Vùng KTTĐ phía Nam, có 05 Tổ công tác chuyên đề được thành lập với sự tham gia của các sở, ngành của các tỉnh/thành trong vùng, cụ thể: Chuyên đề thực hiện quy hoạch vùng, Chuyên đề thực hiện kết nối công tác bảo vệ tài nguyên môi trường, Chuyên đề kết nối giao thông, Chuyên đề thực hiện kết nối, tiêu thụ sản phẩm thế mạnh của tỉnh/thành phố và Chuyên đề xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chung của Vùng.

Công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị đạt nhiều kết quả đáng kể, tỷ lệ đô thị hóa tăng từ 22,3% năm 2016 lên 46,37% năm 2018. Đô thị Trảng Bàng và đô thị Hòa Thành đã được Bộ Xây dựng công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV, các thị trấn Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành, Bến Cầu và Dương Minh Châu được tỉnh công nhận là đô thị loại V.

7. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước

Kết quả thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức theo Đề án vị trí việc làm: (Tính từ ngày 30/4/2015 đến ngày 30/6/2019) số cán bộ, công chức, viên chức tinh giản biên chế: 273 trường hợp; cụ thể: các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện: 83 trường hợp; các đơn vị sự nghiệp công lập: 190 trường hợp. Nhìn chung, số lượng cán bộ, công chức, viên chức có giảm nhưng chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng lên, phát huy được năng lực chuyên môn trong giải quyết công việc, góp phần thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Bên cạnh đó, việc phân công, bố trí công việc phù hợp trình độ chuyên môn đã tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức an tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Từ năm 2016 đến 30/6/2019, tiến hành kiểm tra công vụ 216 lượt tại các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; nội dung kiểm tra việc chấp hành nội quy, quy chế cơ quan, quy chế văn hóa công sở, quy tắc ứng xử, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Qua kiểm tra, đã đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khắc phục những hạn chế, thiếu sót và kiến nghị kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 17 tập thể, 43 cá nhân đơn vị và địa phương các cấp; xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo đối với 01 công chức cấp xã.

III. KẾT QUẢ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG, CƠ CẤU LẠI NGÀNH, LĨNH VỰC TRỌNG TÂM CỦA NỀN KINH TẾ

1. Báo cáo tình hình phát triển KTXH của địa phương giai đoạn 2016-2019

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP-giá so sánh 2010) tăng bình quân hàng năm 8%/năm.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, cụ thể: Cơ cấu kinh tế năm 2019 (theo giá hiện hành) ngành nông-lâm-thủy sản; công nghiệp-xây dựng và dịch vụ tương ứng 20% - 42,2% - 32,7% so với năm 2016: 24,4% - 36,1% - 34,1% (không tính thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm).

	Đvt	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019
GRDP (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	45.321	48.905	52.862	57.133
Tốc độ tăng so với CK	%	7,9	7,9	8,1	8,1
Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP (giá hiện hành)[4]					

[4] Không tính thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm

	Đvt	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019
Nông - lâm - thủy sản	%	24,4	24,2	21,9	20,0
Công nghiệp - XDCB	%	36,1	37,2	39,8	42,2
Dịch vụ	%	34,1	33,4	33,2	32,7

Sự gắn kết kinh tế của địa phương với các địa phương khác trong vùng kinh tế chung cả nước: Đến nay, tỉnh Tây Ninh đã ký kết chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với nhiều tỉnh, thành[5] trong cả nước. Sau thời gian triển khai, chương trình hợp tác toàn diện giữa Tây Ninh với các địa phương và tập đoàn kinh tế đạt được một số kết quả ban đầu. Với sự tham gia của các doanh nghiệp lớn có thương hiệu quốc gia như: VinGroup, SunGroup, TTC Group... đã góp phần khai thác tiềm năng lợi thế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, tăng thu nhập người lao động và bổ sung nguồn thu ngân sách tỉnh. Ngoài ra, chương trình hợp tác kinh tế - xã hội với các tỉnh đã góp phần thắt chặt hơn mối quan hệ gắn bó giữa các địa phương; một số lĩnh vực hợp tác đã mang lại hiệu quả như hạ tầng giao thông vận tải, nông nghiệp, thương mại dịch vụ, môi trường, khai thác tài nguyên và phát triển nguồn nhân lực.

Đánh giá mức độ hội nhập của địa phương

Kim ngạch xuất khẩu đạt 15.120 triệu USD, tăng bình quân 9,4%/năm. Xuất khẩu chủ yếu dựa vào nhóm hàng công nghiệp (chiếm 81,8%), trong đó mặt hàng dệt may chiếm tỷ trọng lớn nhất là 20,3% so với tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Các doanh nghiệp ngày càng chú trọng xuất khẩu các mặt hàng, sản phẩm tinh chế, mở rộng tìm kiếm, phát triển thêm nhiều thị trường xuất khẩu mới. Thị trường xuất khẩu chủ yếu hiện nay là Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, ... Xuất khẩu của doanh nghiệp trong nước đạt 2.596 triệu USD, chiếm tỷ trọng trung bình 17,1% so với tổng kim ngạch xuất khẩu.

Kim ngạch nhập khẩu đạt 11.185 triệu USD, tăng bình quân 15,0%/năm. Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu đa dạng, tập trung chủ yếu vào các nhóm hàng sản xuất phục vụ xuất khẩu như: máy móc thiết bị, phụ tùng và nguyên phụ liệu sản xuất. Thị trường nhập khẩu chủ yếu từ các nước Châu Á (Trung Quốc, Hàn Quốc) và các nước trong khu vực ASEAN, ...

Thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 3.380 triệu USD, lĩnh vực chủ yếu thu hút dự án FDI là sản xuất sợi, vải, da, hóa chất, săm lốp xe.

[5] Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Bình Phước, Đại học quốc gia TP.HCM, Tổng công ty hàng không Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Tập đoàn hóa chất và Tập đoàn Dầu khí.

2. Về thu hút, huy động nguồn lực, tái cơ cấu đầu tư và cách thức xây dựng, triển khai kế hoạch đầu tư công.

a) Tổng vốn đầu tư xã hội 2016-2019: Ước đạt 101.457 tỷ đồng, tăng bình quân 13,2%/năm. Cơ cấu vốn đầu tư cụ thể:

	Đvt	2016	2017	2018	**2019**
Tổng vốn đầu tư xã hội	tỷ đồng	20.280	23.612	27.225	29.500
Phân theo thành phần kinh tế					
Vốn khu vực kinh tế Nhà nước	%	15,0	13,9	15,7	10,1
Vốn khu vực ngoài nhà nước	%	53,1	53,4	49,7	52,5
Vốn khu vực đầu tư trực tiếp của nước ngoài	%	31,9	32,7	34,5	37,3
Phân theo ngành kinh tế					
Nông - lâm - thủy sản	%	3,6	4,9	7,0	7,0
Công nghiệp - Xây dựng	%	43,4	40,7	40,6	40,6
Dịch vụ	%	53,0	54,4	52,4	52,4

b) Triển khai kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2019: Tổng kế hoạch vốn đã giao chi tiết trong 4 năm 2016 - 2019 là 10.662,69 tỷ đồng, đạt 78,92 kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (13.511,573 tỷ đồng). Lũy kế giải ngân kế hoạch vốn 4 năm 2016 - 2019 (giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 tính đến ngày 30/9/2019) là 8.758,049 tỷ đồng đạt 82,1% kế hoạch (10.662,69 tỷ đồng). Cụ thể các nguồn vốn như sau:

Nội dung	Giai đoạn 2016-2019	
	KH vốn	Giải ngân
Tổng cộng	10.662.690	8.758.049
Ngân sách địa phương	8.669.490	7.317.150
Trung ương hỗ trợ	687.916	561.923
Vốn TPCP	597.750	391.032
Vốn ODA	707.534	487.944

c) Các dự án lớn, quan trọng đã, đang và sẽ thực hiện

- Dự án do Trung ương đầu tư trên địa bàn:

+ Đường Tuần tra biên giới: UBND tỉnh kiến nghị Chính phủ và Bộ Quốc phòng điều chỉnh hướng tuyến và quy mô dự án đường Tuần tra biên giới và được Bộ Quốc phòng chấp thuận. Kinh phí thay đổi quy mô: lấy từ dự phòng phí của dự án. Hiện dự án đang được Bộ Quốc phòng triển khai thi công, dự kiến hoàn thành trong năm 2020; trong đó, phần GPMB địa phương đã bàn giao toàn bộ 125,41/125,41Km cho Chủ đầu tư và các nhà thầu thi công.

+ Đường cao tốc từ thành phố Hồ Chí Minh đi Mộc Bài: Bộ GTVT đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả nghiên cứu tiền khả thi dự án với tổng mức đầu tư là 10.688 tỷ đồng, hình thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng BOT (trong đó: vốn đối ứng từ NSTW là 172 tỷ đồng, vốn vay ODA là 4.854 tỷ đồng, vốn NSĐP thực hiện GPMB và một phần chi phí xây dựng). Tuy nhiên, do khó khăn trong xác định nguồn vốn vay ODA, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đang tham mưu phương án đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án này. Dự kiến dự hoàn hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng trong năm 2026.

- Một số dự án lớn của địa phương

+ Dự án Nâng cấp, cải tạo và ngầm hóa đường 30-4: Tổng mức đầu tư 307,75 tỷ đồng ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật đô thị và nâng cấp mở rộng 5,4 km đường BTN, thời gian thực hiện 2017-2019, đã nghiệm thu công trình đưa vào khai thác, sử dụng vào ngày 30/8/2019.

+ Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường CMT8 đến đường Châu Văn Liêm): Tổng mức đầu tư 43,2 tỷ đồng đầu tư nâng cấp mở rộng 1,101 km đường BTN, thời gian thực hiện 2017-2019, dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2019.

+ Dự án Nâng cấp, mở rộng đường 782-784: Tổng mức đầu tư 1.167,935 tỷ đồng đầu tư nâng cấp mở rộng 46,289 km đường BTN, thời gian thực hiện 2018-2020, hiện đang thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và triển khai một số công tác xây lắp.

+ Dự án Đường Đất Sét - Bến Củi: Tổng mức đầu tư 517,902 tỷ đồng đầu tư nâng cấp mở rộng 13,739 km đường BTN, thời gian thực hiện 2018-2022, hiện đang thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và triển khai một số công tác xây lắp.

+ Dự án Cầu An Hòa: tổng mức đầu tư 399,215 tỷ đồng đầu tư cầu BTCT dự ứng lực dài 452,33m, thời gian thực hiện 2018-2021, hiện đang thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và bắt đầu tập kết phương tiện triển khai thi công.

+ Dự án nâng cấp, mở rộng đường 793-792 (đoạn từ ngã tư Tân Bình đến cửa khẩu Chàng Riệc): Tổng mức đầu tư 699,345 tỷ đồng đầu tư 46km đường BTN, thời

gian thực hiện 2019-2023, hiện nay, nhà thầu đang thi công sửa chữa ổ gà để đảm bảo giao thông, đồng thời thảm bê tông nhựa bù vênh mặt đường.

+ Dự án Tưới tiêu cho khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông: Tổng mức đầu tư 97,727 tỷ đồng đầu tư phục vụ tưới tiêu 17.000 ha, thời gian thực hiện 2018-2022, hiện nay, đang tiến hành công tác giải phóng mặt bằng, đồng thời triển khai thực hiện quyết liệt tại khu vực có mặt bằng, cũng như vận động được mặt bằng (đã hoàn thành công tác đấu thầu vào đầu năm 2019 và phát lệnh khởi công được 13/14 gói thầu xây lắp).

d) Cách thức và quy trình xây dựng kế hoạch đầu tư công, cách thức lựa chọn dự án đầu tư cụ thể trong kế hoạch đầu tư công và cách thức triển khai, giám sát thực hiện đầu tư công

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn

Căn cứ các hướng dẫn của Trung ương và chủ trương phân bổ tỷ lệ vốn đầu tư 5 năm 2016-2020 cho ngành, lĩnh vực của tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh. Theo đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi Công văn (nêu rõ các nguyên tắc, điều kiện, tiêu chí, mức vốn dự kiến phân bổ, thứ tự ưu tiên trong phân bổ vốn) làm cơ sở cho các đơn vị xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn của ngành, lĩnh vực. Sau khi tổng hợp danh mục dự án trên cơ sở đề xuất của đơn vị (có sắp xếp dự án theo thứ tự ưu tiên), Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự thảo kế hoạch đầu tư công trung hạn và đăng tải trên cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến đóng góp nhằm hoàn chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn trước khi trình UBND tỉnh xem xét.

Trên cơ sở đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh tổ chức cuộc họp với sự chủ trì của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và sự tham gia của các sở, ngành, huyện, thành phố để thống nhất trước khi trình HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến. Sau khi tiếp thu ý kiến của HĐND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp kế hoạch đầu tư công của cả nước trình Chính phủ xem xét.

Hằng năm, trên cơ sở các văn bản của trung ương, rà soát nguồn lực phát sinh của tỉnh (tăng thu, kết dư, các nguồn vốn hợp pháp khác ...) và tình hình triển khai thực tế của các dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cơ quan thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh, đảm bảo sử dụng nguồn vốn đầu tư hiệu quả.

- Kế hoạch đầu tư công hàng năm

Trên cơ sở Kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và Quyết định giao kế hoạch vốn hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngay từ cuối năm trước và đầu năm của năm kế hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh đã ban hành các Văn bản giao kế hoạch vốn

XDCB hàng năm. Việc phân khai chi tiết kế hoạch vốn hàng năm đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với kế hoạch trung hạn và tiến độ triển khai dự án để các ngành, các cấp làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Công tác giám sát, đánh giá đầu tư

Công tác giám sát, đánh giá đầu tư được Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền định kỳ (6 tháng và cả năm) tuân thủ theo quy định tại Điều 68, Điều 69 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ và Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời, các cơ quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền xử lý vi phạm các quy định về giám sát đánh giá đầu tư theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan. Ngoài ra thực hiện thêm các chế tài: không bố trí vốn hoặc không đề xuất bố trí vốn đối với những dự án không thực hiện lập và gửi báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư 2 kỳ liền hoặc 3 kỳ trở lên trong năm (chỉ thực hiện bố trí vốn kế hoạch và giải ngân sau khi tiến hành kiểm điểm, xử phạt theo quy định và bổ sung các nội dung hoặc báo cáo còn thiếu theo quy định); đồng thời, hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch kiểm tra thực tế tại đơn vị (chọn ngẫu nhiên) nhằm kịp thời chấn chỉnh, hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện công tác đầu tư công theo đúng quy định hiện hành.

3. Về cơ cấu lại ngành kinh tế

3.1. Kết quả cơ cấu lại nông nghiệp và chuyển dịch đất đai trong sản xuất nông nghiệp

a) Thực trạng cơ cấu lại ngành nông nghiệp hiện nay

Thực hiện Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối giai đoạn 2016-2020, Đất nông nghiệp được điều chỉnh 330.051,30 ha. Diện tích thực hiện năm 2018 là 345.065,90 ha, tăng 15.014,60 ha, đạt tỷ lệ 104,55%, trong đó:

Đất trồng lúa: Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt là 70.679,00 ha. Diện tích thực hiện năm 2018 là 76.014,67 ha, tăng 5.335,67 ha, đạt tỷ lệ 107,55%.

Đất trồng cây lâu năm: Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt là 148.330,53 ha. Diện tích thực hiện năm 2018 là 154.753,75 ha, tăng 6.423,22 ha, đạt tỷ lệ 104,33%.

Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về Phương án quản lý sử dụng quỹ đất bàn giao địa phương sau cổ phần hóa các công ty: Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hiện có 07 công ty là nông, lâm trường quốc doanh được cơ cấu lại phải phê duyệt phương án sử dụng, theo đó UBND tỉnh đã phê duyệt phương án sử

dụng đất cho 5/7 Công ty, còn lại 02 công ty (Công ty TNHH MTV 22/12 Tây Ninh; Công ty TNHH MTV cao su 30/4 Tây Ninh) chưa phê duyệt phương án sử dụng đất. Giai đoạn 2016-2020 đảm bảo 100% công ty lâm nghiệp (07 công ty) được phê duyệt phương án thực hiện và phương án giao về địa phương.

Tỉnh tiến hành rà soát các điểm đất công nhà nước quản lý để xây dựng tiêu chí kêu gọi đầu tư thực hiện dự án phát triển nông nghiệp công nghiệp cao; trong đó: UBND tỉnh đã ban hành Tiêu chí kêu gọi đầu tư tại khu đất xã An Cơ, huyện Châu Thành tại Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 29/5/2018; đang thông báo kêu gọi các nhà đầu tư tại khu đất xã Tân Hội và xã Tân Hà thuộc huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với tổng diện tích 174,2 ha; đang hoàn chỉnh đề xuất UBND tỉnh ban hành tiêu chí đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh với tổng diện tích là 278 ha để kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp.

b) Đánh giá kết quả thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp

Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo đúng định hướng, góp phần duy trì giá trị tăng trưởng ngành nông lâm - thủy sản ở mức khá, chất lượng tăng trưởng tiếp tục được cải thiện; góp phần nâng cao thu nhập và đời sống nông dân.

Phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn gắn với cơ chế chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận với đất đai, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Chương trình xây dựng Nông thôn mới đã được tập trung triển khai đồng bộ có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp định hướng của Trung ương và địa phương, cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đề ra. Tạo thế lực mới đối với hạ tầng và đời sống vật chất tinh thần người dân vùng nông thôn.

Bên cạnh đó, quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp còn một số hạn chế: Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp trong tỉnh vẫn còn chậm. Sự biến động của thị trường ngày càng nhanh và khó dự đoán; đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, rủi ro lớn; nhiều mặt hàng nông sản chủ lực xuất khẩu giảm do thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp bấp bênh, đòi hỏi ngày càng khắt khe về chất lượng, yêu cầu kỹ thuật, an toàn thực phẩm, đăng ký mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc…Nông sản phụ thuộc quá lớn vào thị trường xuất khẩu, nhất là thị trường Trung Quốc; sản xuất quy mô hộ gia đình, manh mún, thiếu liên kết nên rất khó khăn để nâng cao chất lượng, đảm bảo sản lượng theo yêu cầu thị trường.

c) Khuyến nghị giải pháp đẩy mạnh cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại trồng trọt theo tín hiệu thị trường, từng bước hình thành vùng nguyên liệu hướng tới xuất khẩu. Triển khai thực hiện Đề án Chuỗi giá trị và cụm ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh. Tiếp tục thực hiện các Đề án, dự án, mô hình khuyến nông, hỗ trợ sản xuất trên các đối tượng cây trồng thế mạnh của tỉnh như mì, rau quả, cây ăn quả, ...

Định hướng phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại quy mô lớn, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ cao trong chăn nuôi nhằm tăng hiệu quả sản xuất, đảm bảo môi trường, phát triển chăn nuôi ổn định, bền vững. Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, truyền thông quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tạo điều kiện cho người sản xuất và các kênh phân phối và tiêu thụ gặp gỡ, liên kết hợp tác đưa nông sản vào các hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, các nhà máy chế biến nông sản và xuất khẩu.

Xử lý nghiêm các vụ vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản đúng theo quy định. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

3.2. Kết quả cơ cấu lại khu vực công nghiệp và dịch vụ

a) Thực trạng phát triển ngành công nghiệp và dịch vụ của địa phương

Tỷ trọng khu vực công nghiệp trong GRDP (giá hiện hành) tăng dần qua các năm, năm 2016: chiếm 30,9 % đến năm 2019 chiếm 36,4%. Giai đoạn 2016-2019, giá trị sản xuất công nghiệp ước tăng bình quân hằng năm 15,7%/năm..

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP): hàng năm tăng cao hơn so với mức tăng chung của cả nước và các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Phân theo ngành kinh tế: từ 2016 đến nay, công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn đang là động lực tăng trưởng chung, thể hiện được vai trò chủ chốt, thúc đẩy tăng trưởng chung của toàn ngành, GTSX công nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao (>98%) so với tổng giá trị sản xuất của toàn ngành qua các năm. Số dự án thuộc ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 93% so tổng dự án toàn ngành.

Cơ cấu GTSX công nghiệp phân theo ngành kinh tế (ĐVT: %):

STT	Ngành kinh tế	2016	2017	2018	9/2019
1	Khai khoáng	0,34	0,34	0,28	0,25
2	Công nghiệp chế biến chế tạo	98,49	98,44	98,62	98,33
3	Sản xuất và phân phối điện khí đốt	0,73	0,64	0,54	0,83
4	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước thải, rác thải	0,45	0,58	0,55	0,59
	Tổng số GTSX CN	100	100	100	100

Ngành du lịch được cơ cấu lại, nâng cao chất lượng dịch vụ; thu hút đầu tư phát triển các khu, điểm du lịch, lượng khách du lịch, doanh thu du lịch và các sản phẩm du lịch.

Thời gian qua, tỉnh Tây Ninh đã định hướng tập trung phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, công nghệ cao như công nghệ thông tin, truyền thông, ngân hàng, du lịch, ... Mạng lưới thương nghiệp và dịch vụ nhờ đó phát triển, mở rộng với nhiều thành phần kinh tế tham gia, bảo đảm cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Hạ tầng thương mại được quan tâm đầu tư, hệ thống các Trung tâm thương mại, siêu thị được hình thành và phát triển góp phần đáng kể tăng doanh thu bán lẻ các nhóm hàng lương thực thực phẩm, hàng may mặc và đồ dùng, thiết bị gia đình, gỗ và vật liệu xây dựng, nhiên liệu,... Cụ thể:

Đến nay, toàn tỉnh hiện có 109 chợ đang hoạt động, 09 siêu thị, 02 trung tâm thương mại. Bên cạnh đó nhiều cửa hàng tiện lợi được mở để phục vụ người tiêu dùng, đặc biệt các cửa hàng thuộc hệ thống Bách Hóa Xanh được hình thành nhanh chóng và rộng khắp (hiện trên địa bàn tỉnh có 25 cửa hàng) và các cửa hàng tạp hóa, thực phẩm truyền thống đều có ở khắp các xã, phường, thị trấn trên địa bàn đã góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế-xã hội và đáp ứng đầy đủ nhu cầu đời sống tiêu dùng của người dân địa phương.

Một số khu, điểm vui chơi giải trí như Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen; Khu du lịch Long Điền Sơn; Trung tâm Thương mại - Giải trí Cà Na… hầu hết các khu vui chơi, giải trí này thu hút khách du lịch nội địa là chủ yếu, thời gian tập trung vào ngày nghỉ lễ và cuối tuần.

Hệ thống các Trung tâm thương mại, siêu thị được hình thành và phát triển góp phần đáng kể tăng doanh thu bán lẻ các nhóm hàng lương thực thực phẩm, hàng may mặc và đồ dùng, thiết bị gia đình. Giai đoạn 2016-2019, đã đưa vào hoạt động các dự án: Trung tâm Thương mại Gò Dầu, Khu du lịch sinh thái Bàu Cà Na (giai đoạn 2), Trung tâm Thương mại Dịch vụ Toyota Lý Thường Kiệt, Trung tâm Thương mại Dịch vụ TTC Plaza Tây Ninh, Trung tâm thương mại, khách sạn tiêu chuẩn 5 sao và nhà phố Shophouse, Khu C-D chợ Long Hoa, Siêu thị Co.opmart: Tân Châu, Gò Dầu, Châu Thành; hệ thống cửa hàng Bách hóa xanh.

b) Định hướng phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ mũi nhọn của địa phương

Đẩy mạnh tái cơ cấu theo hướng chuyển từ gia công sang chế tạo, chế tác, nhằm gia tăng hàm lượng khoa học công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm; tăng cường khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp chế biến, các ngành công nghiệp công nghệ cao thông qua các chính sách:

khuyến công, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, chính sách thuế...; thu hút đầu tư phát triển một số ngành ưu tiên và công nghiệp hỗ trợ nhằm thu hút những dự án đầu tư có hàm lượng khoa học công nghệ cao, chú trọng lựa chọn công nghệ trong quá trình tiếp nhận, chuyển giao để không tiếp nhận công nghệ lạc hậu.

Tiếp tục phát triển các ngành Công nghiệp có lợi thế cạnh tranh của tỉnh, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm sản xuất từ đường, tinh bột mì, cao su, khoáng sản; thu hút đầu tư phát triển công nghiệp phụ trợ dệt may, da giày, các sản phẩm cơ khí công nghệ cao.

c) Khuyến nghị giải pháp đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ mũi nhọn đến năm 2020

Về công nghiệp:

Lựa chọn thu hút những dự án đầu tư có hàm lượng khoa học công nghệ cao, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, có giá trị gia tăng cao.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khơi dậy các nguồn lực phục vụ phát triển các lĩnh vực công nghiệp. Đặc biệt, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp công nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (cách mạng về công nghệ và tư duy quản lý).

Phát triển công nghiệp hướng tới mục tiêu nâng cao giá trị gia tăng; sản xuất các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm và phù hợp với thị trường tiêu dùng, nhập khẩu.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề chất lượng cao, đào tạo nghề gắn với doanh nghiệp và kịp thời đáp ứng nhu cầu lao động của các doanh nghiệp.

Về dịch vụ:

Phát triển thương mại - dịch vụ theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, đa dạng hóa mặt hàng, sản phẩm xuất khẩu, trong đó, chú trọng xuất khẩu các mặt hàng, sản phẩm tinh chế, hạn chế xuất khẩu nguyên liệu, sản phẩm thô.

Đẩy mạnh tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới; nhằm đa dạng hóa thị trường, giảm sự phụ thuộc vào một thị trường nhất định. Ưu tiên nhập khẩu nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng phục vụ cho sản xuất, kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu đối với những mặt hàng không khuyến khích.

Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như: tài chính, ngân hàng để hỗ trợ các ngành dịch vụ cùng phát triển.

Quan tâm đầu tư phát triển kinh tế biên mậu, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các cửa khẩu, hệ thống chợ đường biên. Hỗ trợ doanh nghiệp, đưa hàng Việt về nông thôn, bình ổn giá một số mặt hàng thiết yếu gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, xử lý nghiêm các vi phạm.

Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trên thị trường nội địa, khu vực và quốc tế; Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất, xác định đúng và khai thác tốt các lợi thế và định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh doanh, sản phẩm, cải thiện năng lực đổi mới và công nghệ, nâng cao liên kết và sức cạnh tranh kinh tế, mở rộng thị trường tiêu thụ; Đẩy mạnh khai thác tiềm năng và lợi thế của từng lĩnh vực dịch vụ, tăng cường sự hợp tác giữa các lĩnh vực dịch vụ để cùng cạnh tranh và phát triển.

Tiếp tục cơ cấu lại 3 lĩnh vực trọng tâm là cơ cấu lại đầu tư công, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, bảo đảm an toàn hệ thống. Cơ cấu lại ngân sách nhà nước, nâng dần tỷ trọng thu nội địa, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư, chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh.

Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tập trung nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg, ngày 05/3/2018 và Chỉ thị số 26/CT-TTg, ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, về tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

4. Những vấn đề KTXH của địa phương và kiến nghị hướng giải quyết

Hiện nay, Trung ương chưa có hướng dẫn để địa phương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, chưa có những định hướng cũng như bộ chỉ tiêu chủ yếu đánh giá sự phát triển của địa phương.

Kiến nghị Trung ương sớm có văn bản hướng dẫn và áp dụng việc quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh để địa phương kịp thời áp dụng xây dựng các chỉ tiêu cho giai đoạn 2021 - 2025.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

Nơi nhận:
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT;
- Sở KH & ĐT;
- LĐVP; P.TKTH; P.KTTC;
- Lưu VT, VP ĐĐBQH, HĐND & UBND tỉnh.

5

